

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KHOA : QUẢN TRỊ KINH DOANH
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thu Hà
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

**KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thu Hà
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thu Hà

Mã SV: 1412401227

Lớp: QT1801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu
VIPCO

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu kế toán năm 2017 của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thu Hà

Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Văn Tường
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Phạm Thu Hà Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO
Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 04 tháng 01 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Tường

Mục Lục

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.1.3 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.1.3.1 Doanh thu	4
1.1.3.2 Chi phí.....	7
1.1.3.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	9
1.1.4 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	10
1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	11
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp.....	11
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	11
1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng.....	11
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	14
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	17
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	17
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	19
1.2.3 Kế toán chi phí BH và QLDN.....	20
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng	20
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	20
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	21
1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính	23

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	23
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng	23
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	24
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	26
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	26
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	26
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	26
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	28
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	28
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	28
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	29
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	31
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	31
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	33
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ [4].....	34
1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	36
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	37
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO.....	40
2.1 Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cp vận tải xăng dầu VIPCO .	40
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	40
2.1.2 Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.....	41
2.1.2.1 Lĩnh vực hoạt động của công ty.....	41
2.1.2.2 Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.	41
2.1.2.3 Đặc điểm tổ chức kế toán.	44
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO.....	46
2.2.1 Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ	46
2.2.1.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	47
2.2.1.2 Quá trình hạch toán	47
2.2.1.4 Ví dụ minh họa	48

2.2.2	Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.....	54
2.2.2.1	Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO .	54
2.2.2.2	Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	55
2.2.2.3	Quy trình hạch toán	55
2.2.2.4	Ví dụ minh họa	56
2.2.3	Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	61
2.2.3.1	Nội dung của chi phí tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO	61
2.2.3.2	Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	61
2.2.3.3	Quy trình hạch toán	61
2.2.3.4	Ví dụ minh họa	62
2.2.4	Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	69
2.2.4.1.	Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	69
2.2.4.2	Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	69
2.2.4.3	Quy trình hạch toán	69
2.2.4.4	Ví dụ minh họa	70
2.2.5	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác : Công ty ko có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ nghiên cứu.	76
2.2.6	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	76
2.2.6.1	Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	76
2.2.6.2	Quy trình hạch toán	76
2.2.6.3	Ví dụ minh họa	76
CHƯƠNG III HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO.....		83
3.1	Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán.....	83
3.2	Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.....	83
3.2.1	Ưu điểm	84
3.2.2	Hạn chế	86
3.3	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	87

3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	87
3.3.2 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.....	87
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

LỜI MỞ ĐẦU

Chìa khóa dẫn đến những con đường thành công, khả năng tồn tại lâu dài của một doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp đó có được sự phối hợp hoạt động một cách nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận cấu thành. Thiếu đi bất kỳ một bộ phận nào hay khi nó hoạt động chưa hiệu quả đều dẫn tới những hệ lụy xấu cho kết quả hoạt động của Doanh nghiệp. Kế toán chính là một phần trong số đó. Bộ máy kế toán luôn được coi là cánh tay phải đắc lực, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo của Doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ quan trọng đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có được số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh có độ tin cậy cao thì cần tổ chức đội ngũ nhân viên và quy trình kế toán sao cho phù hợp với thực trạng đơn vị mình, ít tốn kém và mang lại hiệu quả. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra vô cùng gay gắt và quyết liệt. Đây là một cơ hội và thách thức không chỉ cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp vận tải như Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO nói riêng. Để tồn tại và phát triển vững trãi trên thị trường các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình những giải pháp cạnh tranh hiệu quả có thể đánh bật các đối thủ trên thương trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO, em quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu bài khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận bao gồm 3 chương:

- **Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**
- **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO.**
- **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO.**

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Th.S Phạm Văn Tường. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.3.1 Doanh thu

- **Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...)

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

Phương thức bán hàng gửi đại lý: Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. kết quả được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán hàng.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp: hàng hóa bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng...

Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thuế GTGT phải nộp: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

Thuế xuất khẩu: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư phát triển, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản...

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

❖ *Thu nhập khác*

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc là có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vắng chủ hoặc nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được bồi thường,

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Theo chuẩn mực số 01 QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã

được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ *Chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

❖ *Chi phí hoạt động tài chính.*

Chi phí hoạt động tài chính là chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: chi phí lãi vay; những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,...những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.

- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Chi phí góp vốn liên doanh.
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ *Chi phí khác*

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác có thể bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý).
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.*

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.3 *Xác định kết quả hoạt động kinh doanh*

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi Phí BH và Chi Phí QLDN}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.1.4 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho bán hàng bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm chi;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản 511:

 **Bên Nợ:**

Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

✚ Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 511 không có số dư và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

✚ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

✚ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

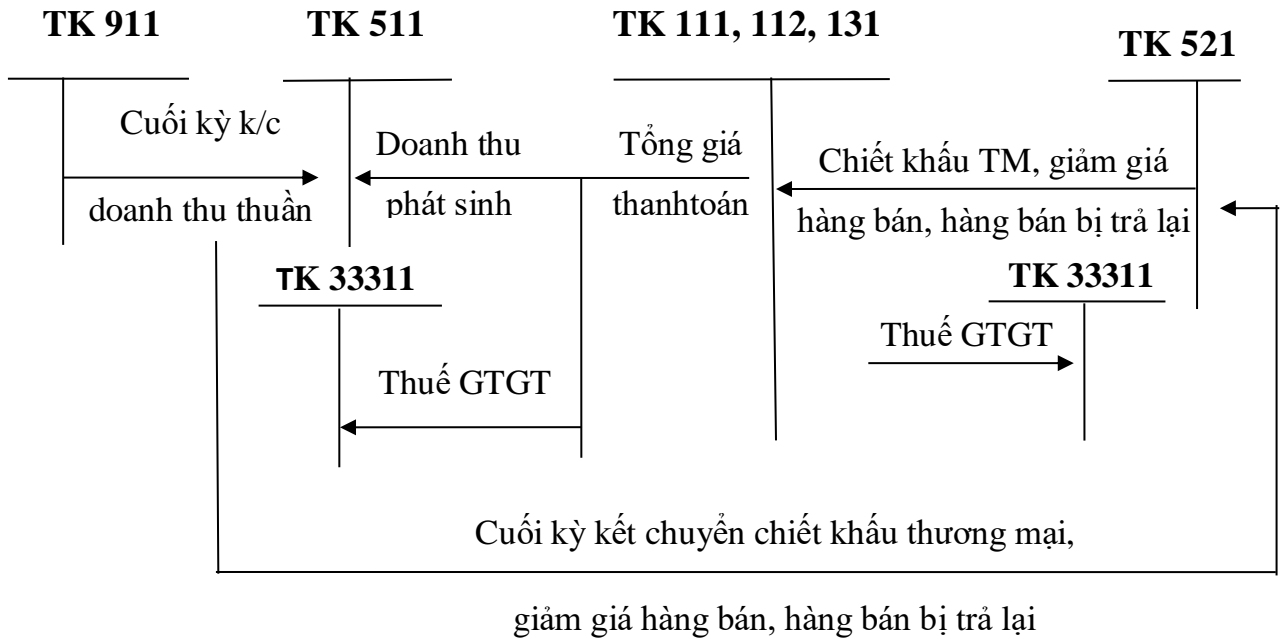
- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

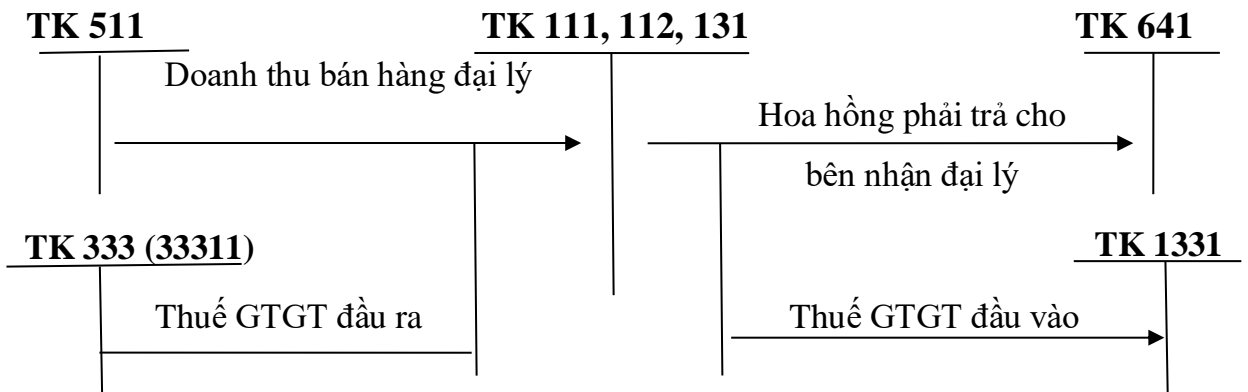
- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

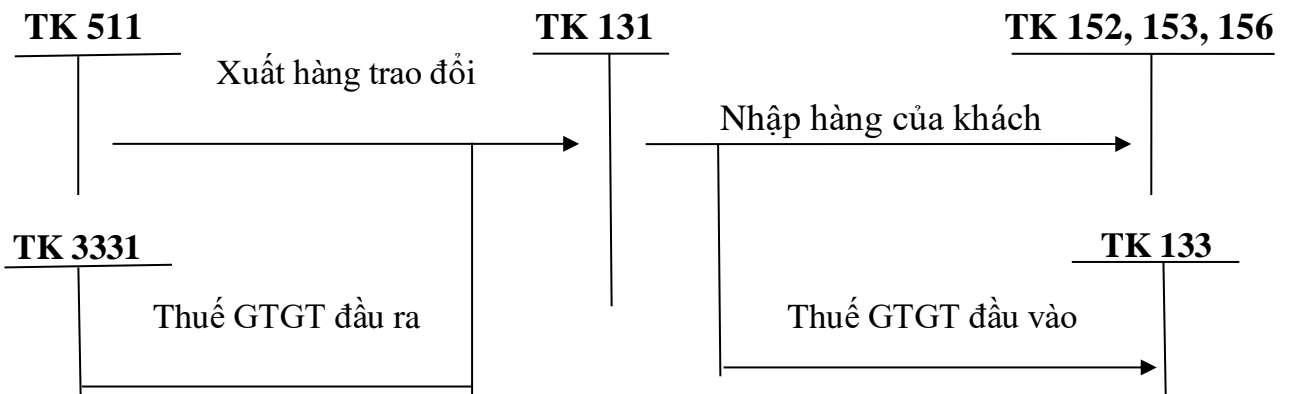
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



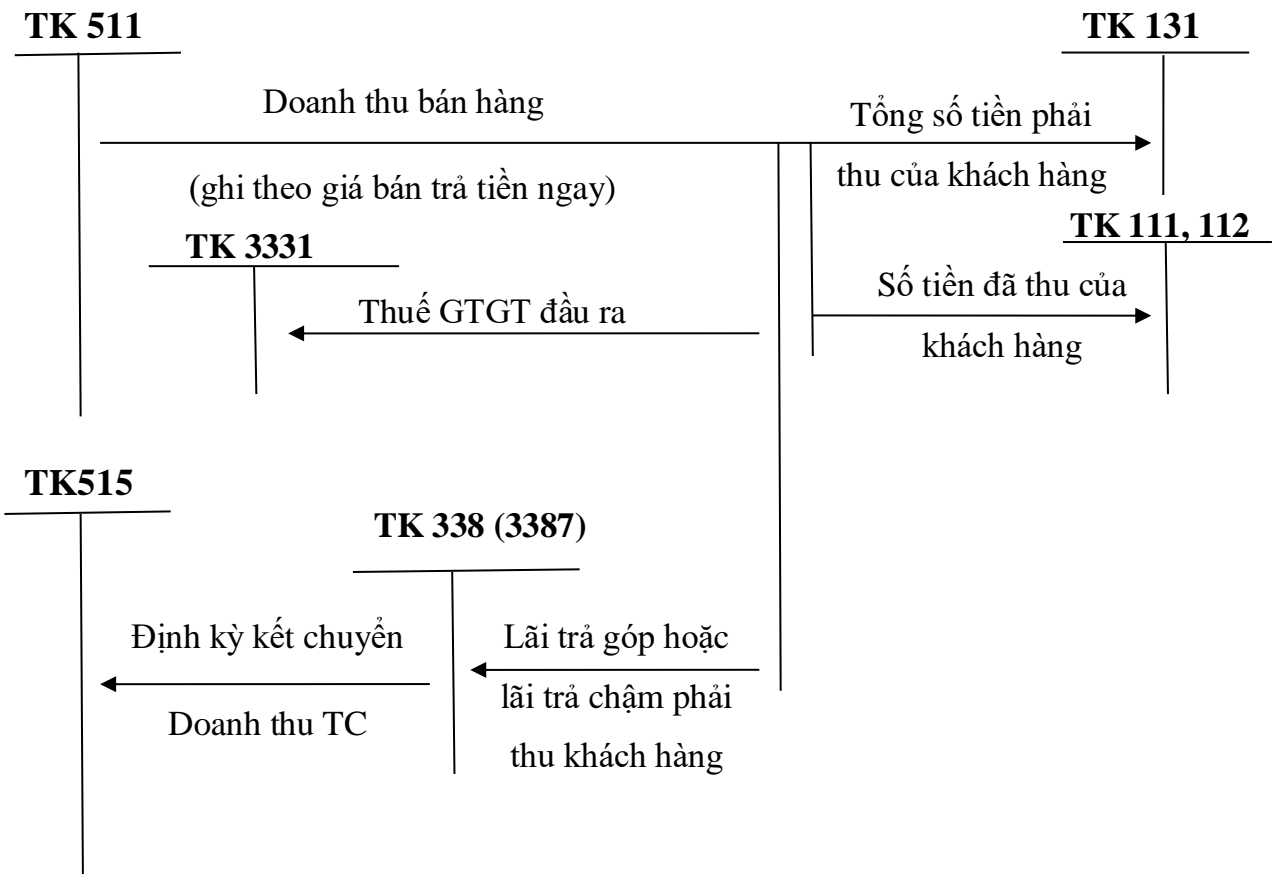
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

a. Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Áp dụng dựa trên giá định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

b. Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Trong đó, đơn giá bình quân gia quyền được xác định theo 2 cách:

Cách 1: phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gq cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Cách 2: phương pháp bình quân gq liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân gq sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

c. Phương pháp giá thực tế đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

d. Phương pháp giá bán lẻ

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự) và được thể hiện theo 3 bước như sau:

$$\text{Trị giá hàng tồn kho CK theo giá bán lẻ} = \text{Trị giá hàng sẵn có để bán theo giá bán lẻ} - \text{Doanh thu thuần}$$

$$\text{Tỷ lệ giá gốc trên giá lẻ} = \frac{\text{Trị giá hàng sẵn có để bán theo giá gốc}}{\text{Trị giá hàng sẵn có để bán theo giá bán lẻ}}$$

$$\text{Trị giá hàng tồn kho CK theo giá gốc} = \text{Trị giá hàng tồn kho CK theo giá bán lẻ} \times \text{Tỷ lệ giá gốc trên giá lẻ}$$

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

✚ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trình lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

+ Tài khoản 632 không có số dư.

- *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

+ Bên Nợ:

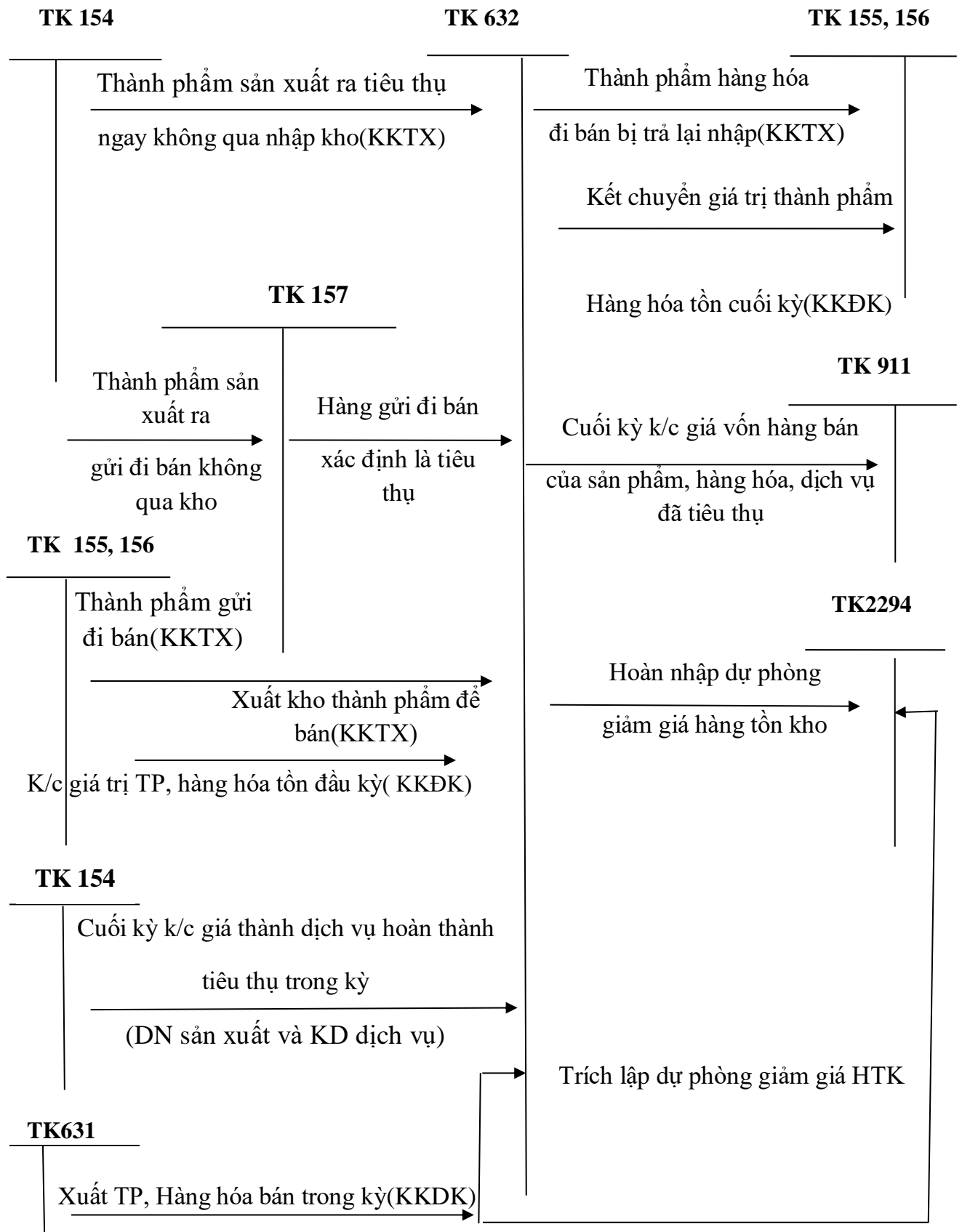
- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào Bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào Bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán



1.2.3 Kế toán chi phí BH và QLDN

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và lao động xã hội.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

✚ Bên Nợ:

- Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

✚ Bên Có:

- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

✚ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✚ Bên Có:

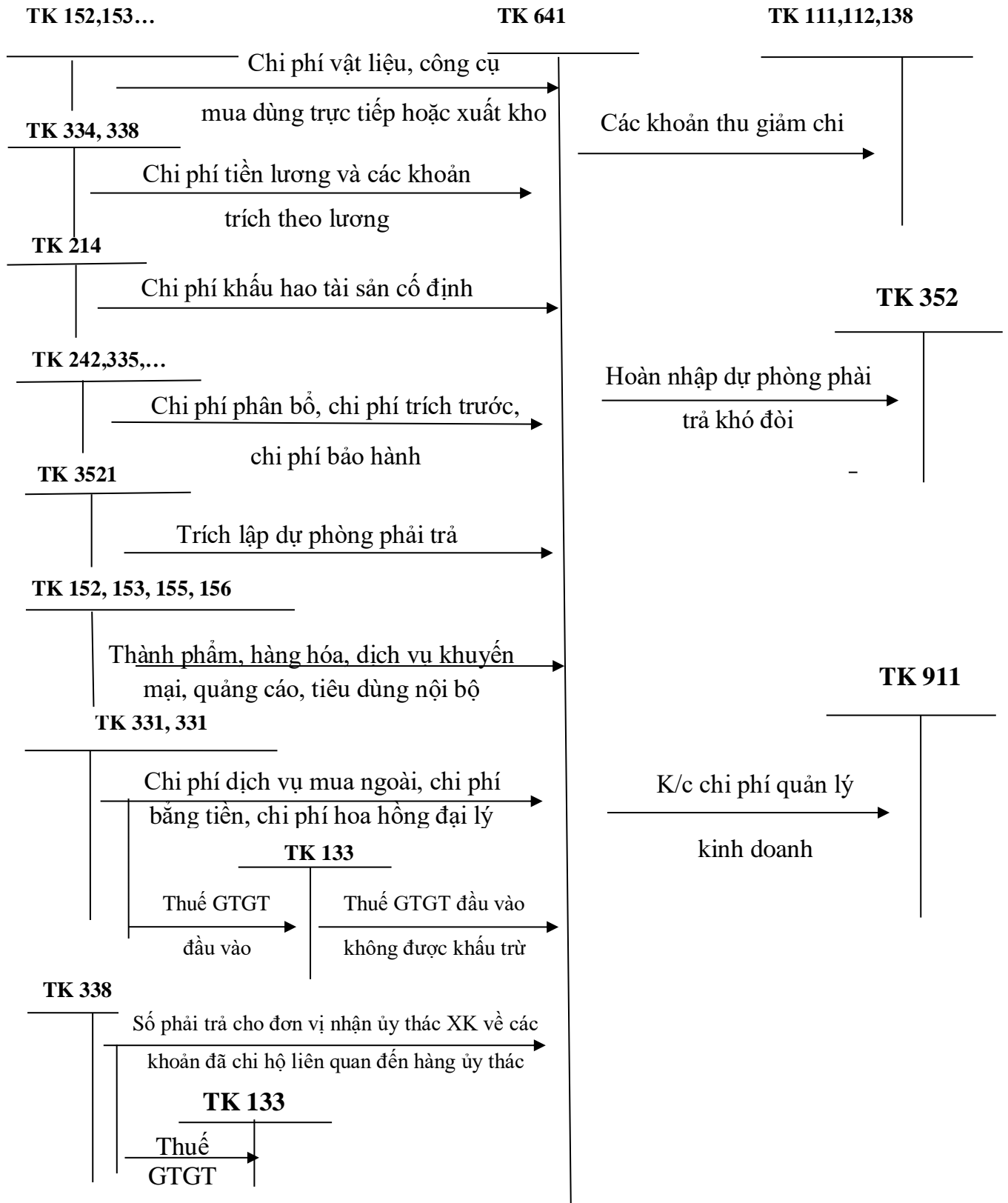
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

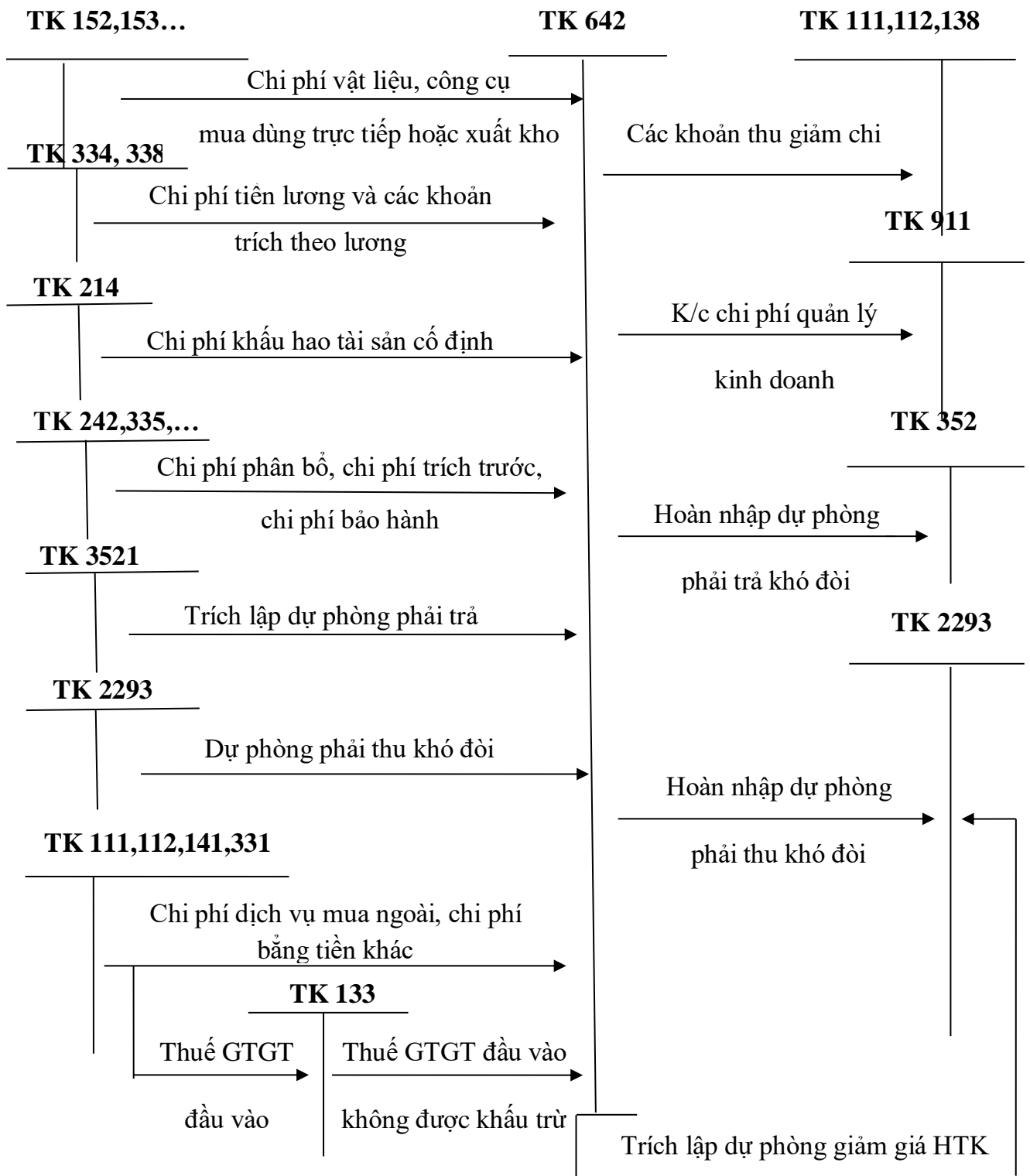
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí

Kế toán chi phí bán hàng



Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

✚ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 515 không có số dư.

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

✚ Bên Nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lỗi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

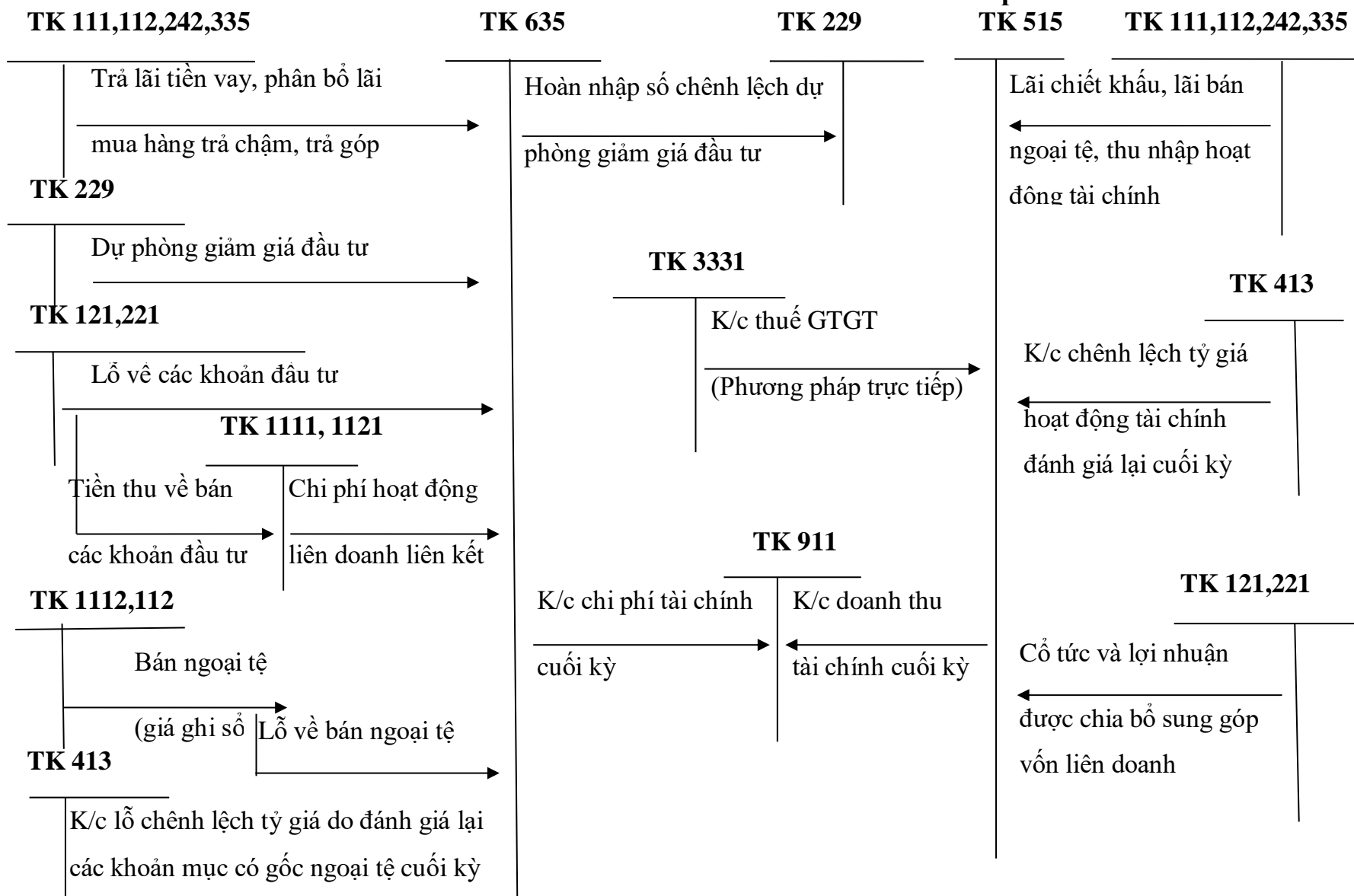
 **Bên Có:**

- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

 **Tài khoản 635 không có số dư.**

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 711 không có số dư.

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

✚ Bên Có:

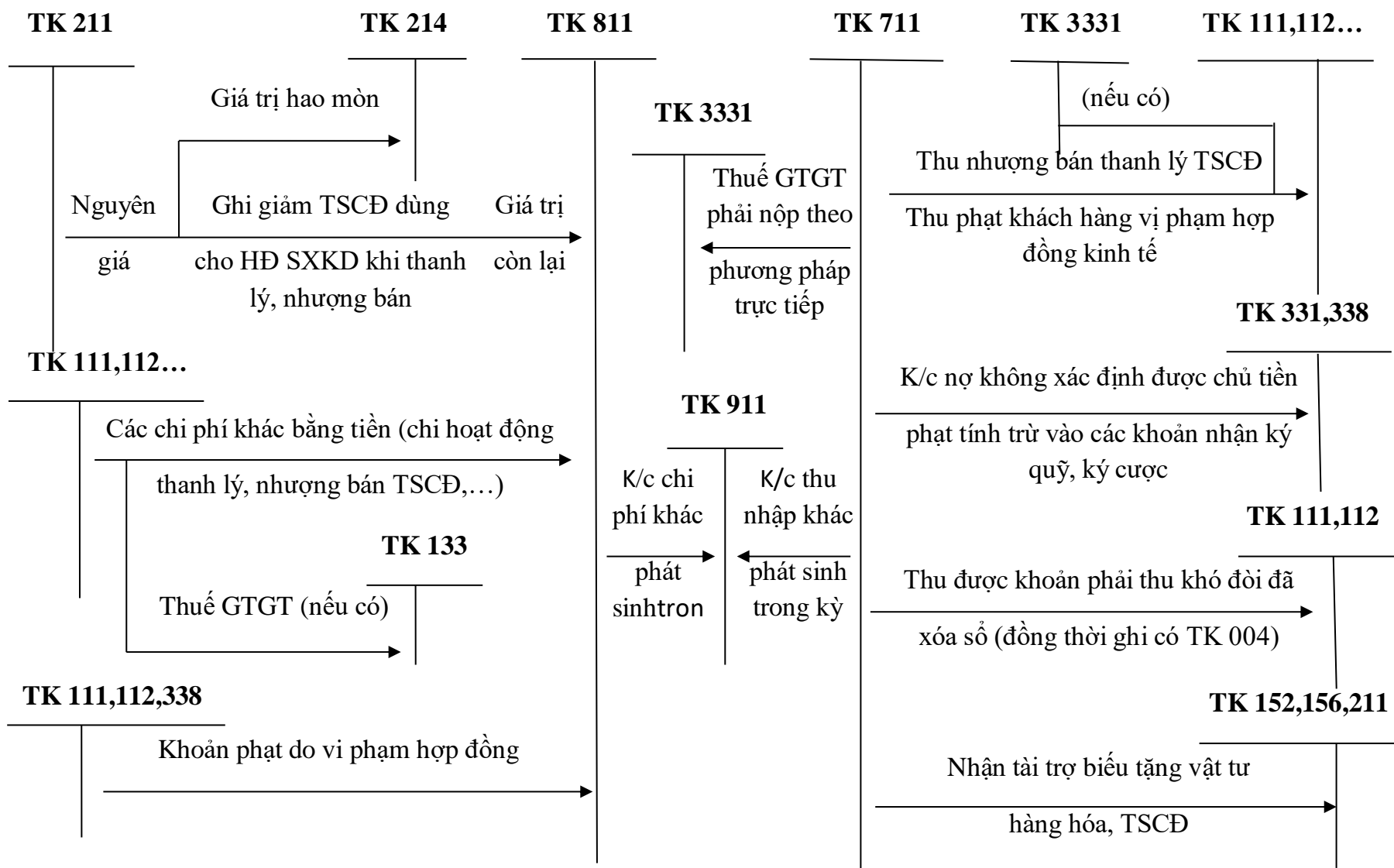
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Tài khoản 811 không có số dư.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.8:

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kế toán hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

✚ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

✚ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm giá chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

✚ Tài khoản 911 không có số dư.

❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

✚ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

✚ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Tài khoản 821 không có số dư.

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✚ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

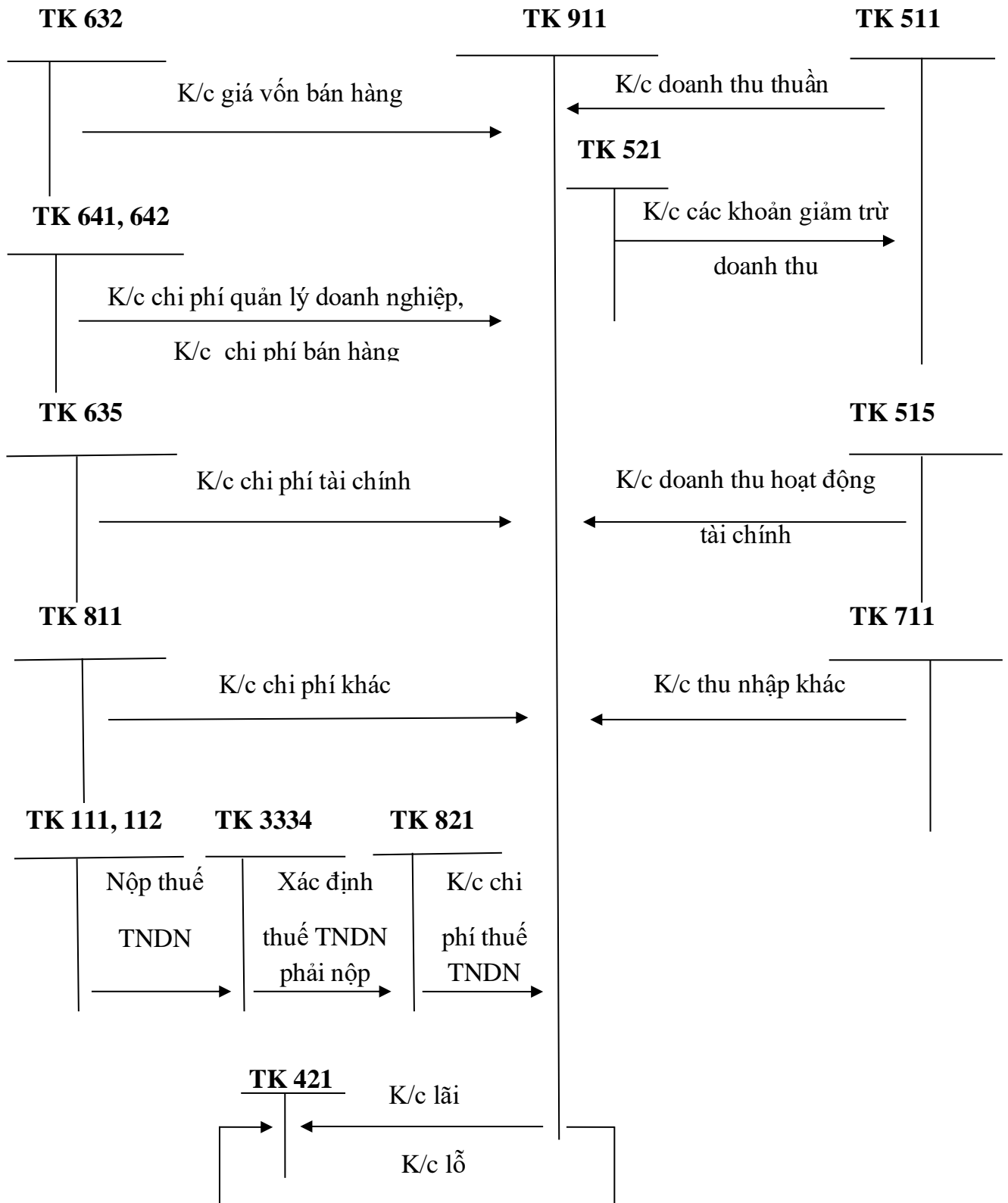
✚ Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.9:

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

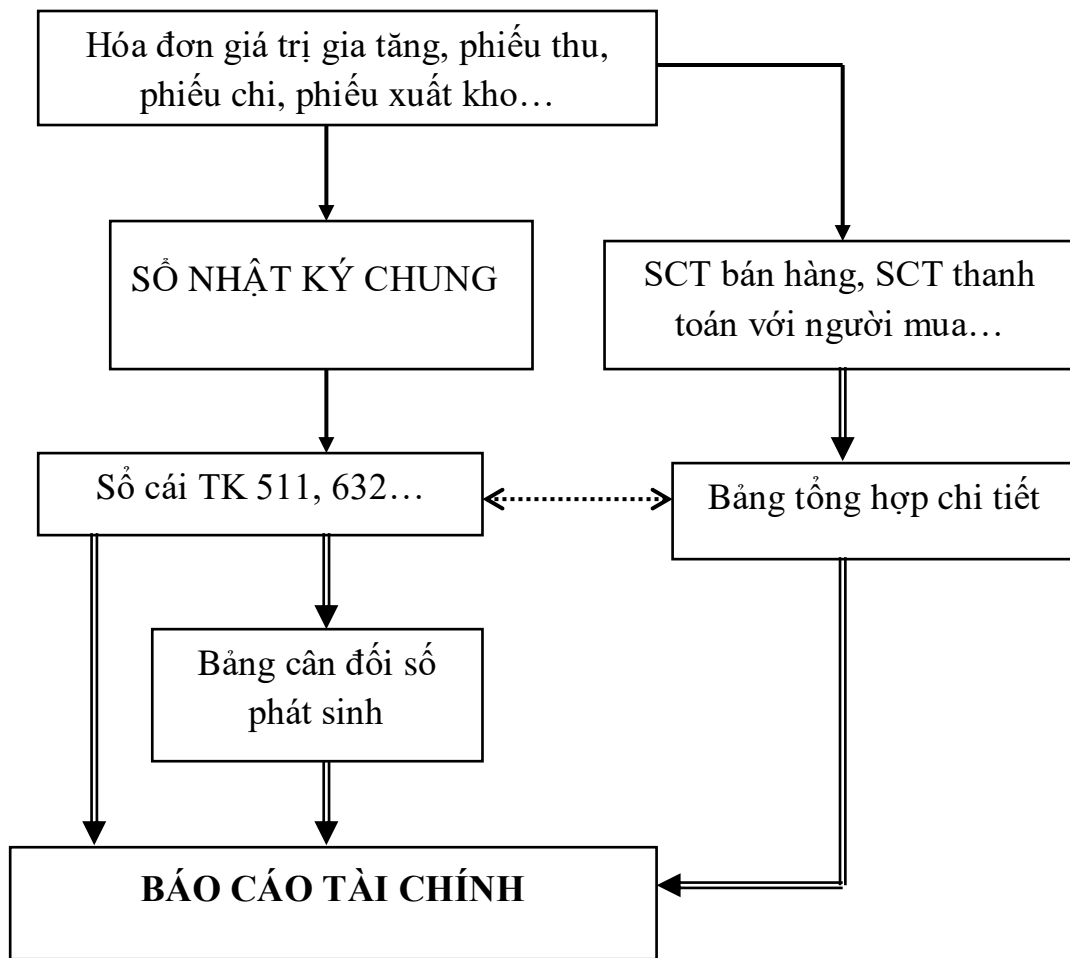
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.10



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

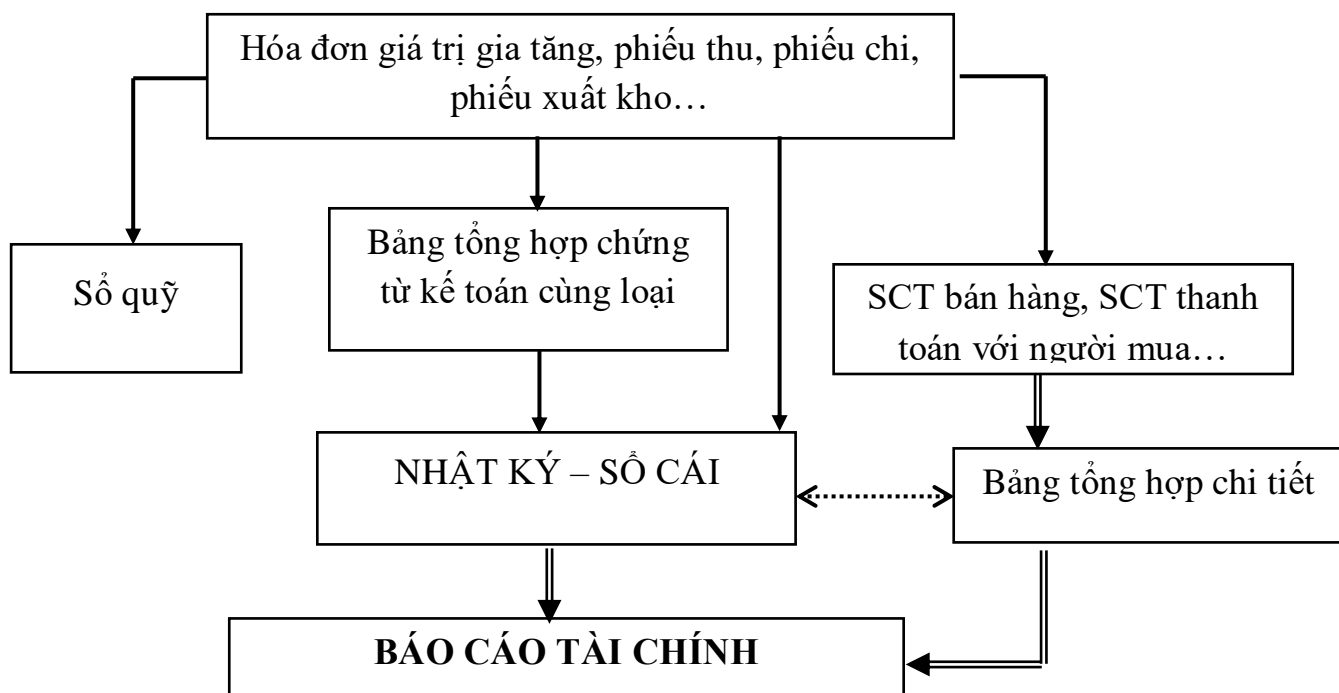
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.11



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←----->

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ [4]

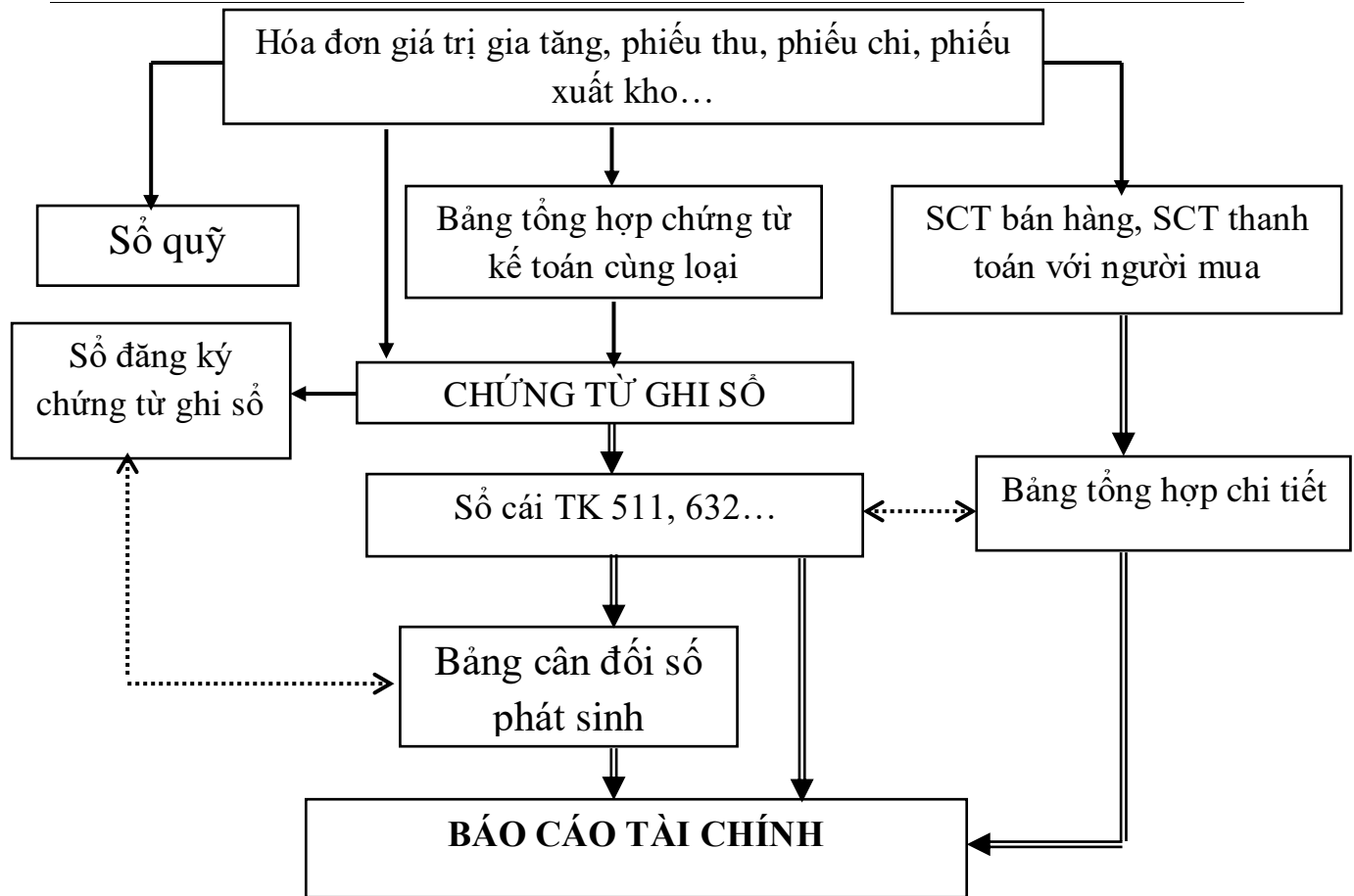
❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ

1.12



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số

phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng dò tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

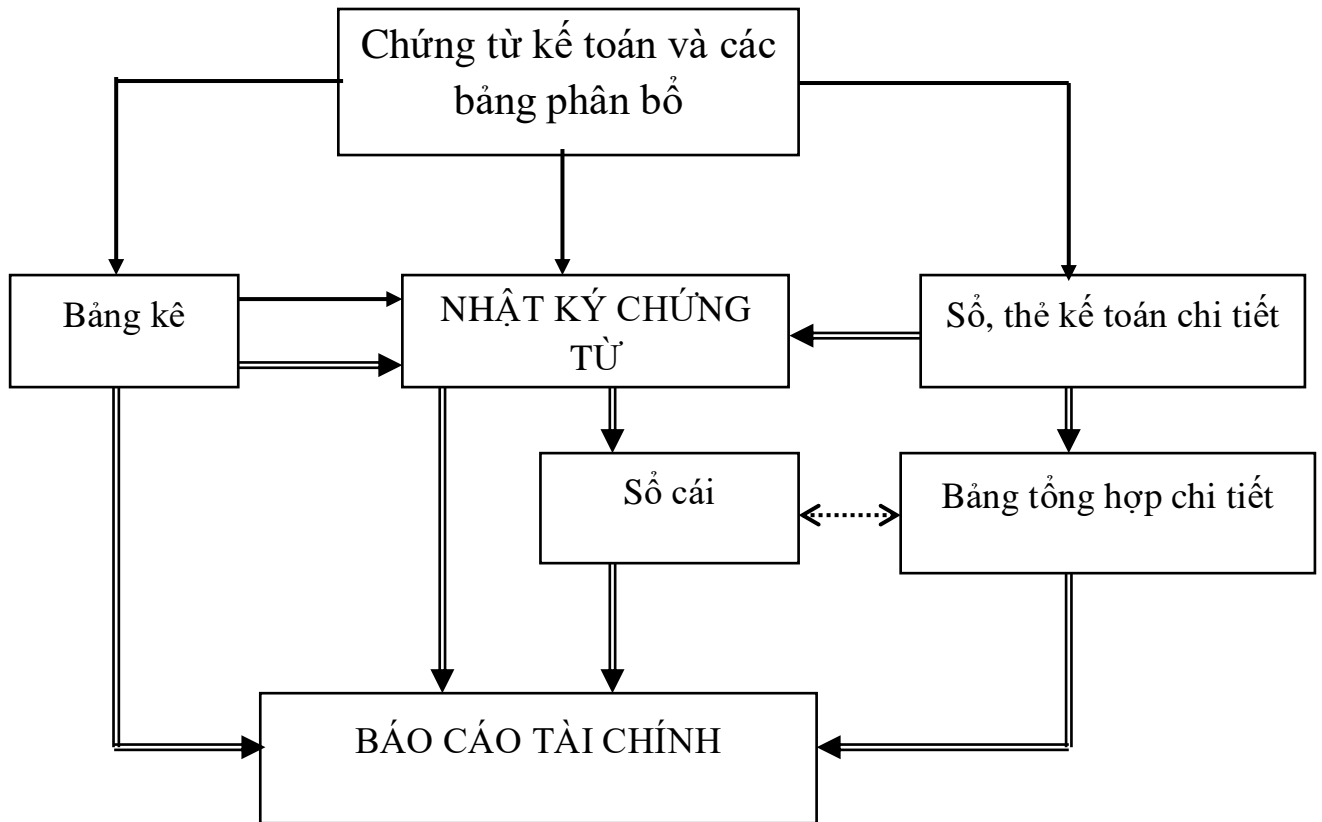
❖ Đặc trưng cơ bản:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ Các loại sổ chủ yếu

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

❖ Trình tự ghi sổ: Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ được thể hiện qua sơ đồ 1.14



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

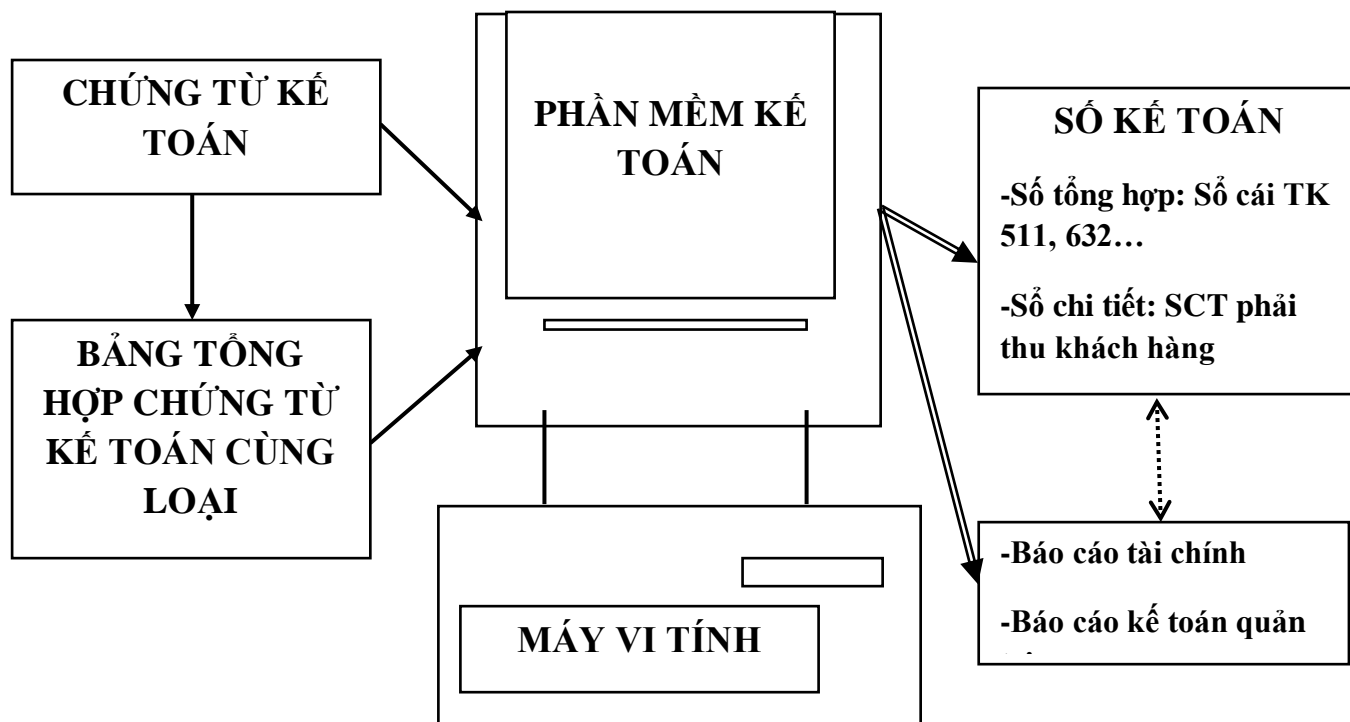
Ghi cuối tháng ══════════→

Đôi chiếu, kiểm tra ←.....→

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký-chứng từ

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:** Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có loại sổ của hình thức kế toán đó.
- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ 1.13



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ ào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể

kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

2.1 Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cp vận tải xăng dầu VIPCO

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Tên giao dịch quốc tế: **Vietnam Petroleum Transport Joint Stock Company**

Tên viết tắt: **VIPCO**

Địa chỉ : 37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Địa chỉ giao dịch : 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : (84.31) 383-8680/383-8881

Fax : (84.31) 383-8033/383-9944

E-mail : vipco@vipco.vn

Website : www.vipco.com.vn

Mã số thuế : 0200113152

Tài khoản số : 2087040013168 tại : Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hải Phòng.

Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO tiền thân là Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, trực thuộc Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam. Ngày 22/07/1980, Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I được thành lập để thực hiện sứ mệnh và nhiệm vụ vận tải xăng dầu trong nước và quốc tế theo kế hoạch của Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.

Ngày 02/12/2005, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO được tổ chức. Ngày 26/12/2005, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO chính thức được thành lập. Ngày 1/1/2006, Công ty chính thức hoạt động với số vốn điều lệ là 351 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51%. Ngày 21/12/2006, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phần trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán **VIP**, vốn điều lệ hiện tại là 684.709.410.000 đồng.

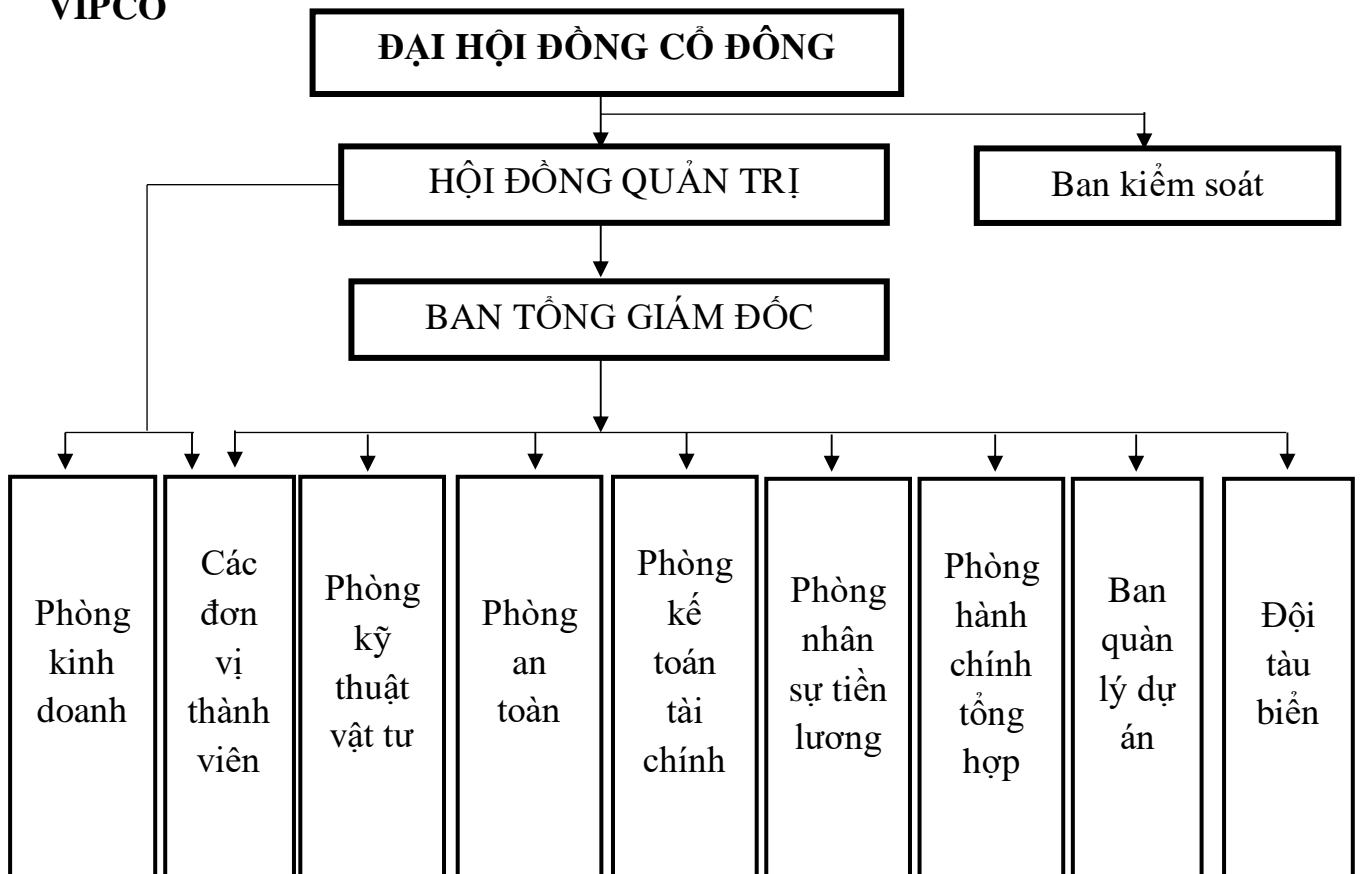
2.1.2 Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.

2.1.2.1 Lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết : xăng, dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới thuê tàu biển, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ giao nhận hàng hóa
- Dịch vụ quản lý tàu vận tải ven biển và viễn dương
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết : Bốc xếp hàng hóa cảng biển
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

2.1.2.2 Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO



Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

- a. **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
Đại hội cổ đông có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của công ty và có nhiệm vụ: Thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của công ty. Bầu bãi miễn hội đồng quản trị. Các điều lệ khác do điều lệ công ty quy định.
- b. **Hội đồng quản trị:** do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của công ty có nhiệm vụ:
 - + Báo cáo trước đại hội cổ đông tình hình kinh doanh của công ty. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động và quỹ lương của công ty.
 - Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban giám đốc.
 - Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty.
 - Quy định triệu tập Đại hội cổ đông.
- c. **Ban tổng giám đốc:** Do hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm. Ban giám đốc gồm có:
 - Tổng giám đốc công ty: là người đứng đầu của công ty, chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động của công ty, về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất của công ty.
 - Phó tổng giám đốc: phụ trách kinh doanh. Hoàn thành nhiệm vụ giám đốc giao cho và chịu trách nhiệm trước giám đốc về quá trình chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ đó. Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo tiêu thụ hàng hóa dịch vụ và có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc nhân viên hoàn thành nhiệm vụ của ban giám đốc.
 - + Nhiệm vụ của ban giám đốc:
 - Lập phương án, bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, bổ nhiệm và bãi nhiệm chức danh quản lý.
 - Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của điều lệ công ty. Báo cáo trước hội đồng quản trị tình hình tài chính, kết quả kinh doanh...
- d. **Ban kiểm soát :** Được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành Công ty

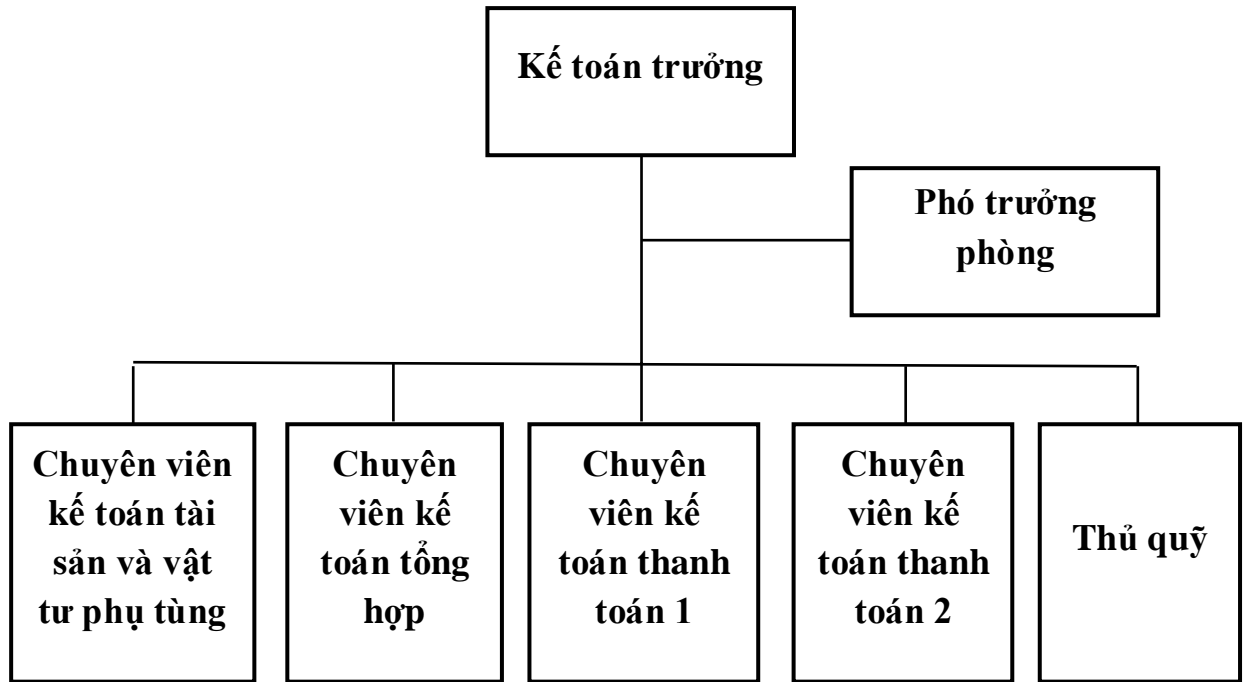
- e. **Phòng kinh doanh:** là phòng tham mưu cho Ban giám đốc về kế hoạch kinh doanh, lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp cho công ty
- f. **Ban quản lý dự án:** Thiết lập thực hiện hệ thống quản lý các dự án của Công ty
- g. **Phòng kỹ thuật – vật tư:** có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
- Công tác quản lý kỹ thuật.
 - Đầu tư phát triển đội tàu.
 - Công tác quản lý vật tư, phụ tùng và tài sản.
 - Công tác quản lý sửa chữa, bảo dưỡng tàu và tài sản.
 - Công tác an toàn, an ninh hàng hải.
- h. **Phòng khai thác và thuê tàu:** có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực
- Quản lý và khai thác đội tàu.
 - Thương vụ và thuê tàu vận tải biển.
 - Công tác kế hoạch sản lượng và doanh thu vận tải.
- i. **Phòng an toàn:** có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
- An toàn và bảo vệ môi trường.
 - An ninh tàu.
 - Bảo hiểm, pháp chế hàng hải.
- j. **Phòng Nhân sự - Tiền lương :** Có chức năng cơ bản là quản lý lao động, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty về công tác sử dụng lao động (tuyển dụng, điều phối lao động, đề bạt cán bộ,...), sắp xếp cơ cấu tổ chức
- Quản lý hồ sơ cá nhân của CBCNV toàn Công ty
- Thực hiện thanh toán tiền công, tiền thưởng, nghỉ phép năm, ốm đau, thai sản,...
- k. **Phòng kế toán tài chính:** có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
- Tài chính kế toán.
 - Đầu tư.
 - Kế hoạch.

- Tổ chức hệ thống kế toán.

Đứng đầu mỗi phòng ban là Trưởng phòng phụ trách chung và chịu trách nhiệm trong công tác của phòng, chịu sự giám sát của Ban Tổng giám đốc, có thẩm quyền báo cáo với Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị (khi được ủy quyền).

2.1.2.3 Đặc điểm tổ chức kế toán.

a. Mô hình tổ chức kế toán



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

+ **Kế toán trưởng:** Thực hiện các nhiệm vụ của Kế toán trưởng được quy định trong Luật kế toán, thực hiện xây dựng và hoàn thiện quy trình về tài chính, tài sản, hạch toán kế toán phù hợp với thực tế của Công ty, tham gia xây dựng về quản lý đầu tư cơ sở vật chất, vật tư phụ tùng, sửa chữa và thanh toán. Thực hiện xây dựng các dự án đầu tư, quyết toán dự án. Trực tiếp chỉ đạo thực hiện các công việc :

- Xây dựng kế hoạch tài chính tổng hợp
- Tổ chức công tác kế toán
- Công tác lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị định kỳ và theo yêu cầu của lãnh đạo, phân tích số liệu và tham mưu cho Lãnh đạo các giải pháp phục vụ quản trị điều hành, đầu tư tài chính

- Thực hiện và thanh toán hợp đồng kinh tế. Duyệt các chứng từ thanh quyết toán, các lệnh thu chi theo quy định.
- Bố trí cán bộ nhân viên trong phòng vào các phần hành nghiệp vụ phù hợp với năng lực chuyên môn từng người.

+ **Phó trưởng phòng** là người có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn và kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ kế toán, thu thập về tất cả các số liệu kế toán hạch toán vào sổ tổng hợp, tập hợp và lập biểu mẫu kế toán, báo cáo quyết toán tài chính, thay mặt điều hành, quản lý công việc của phòng tài vụ khi kế toán trưởng vắng mặt.
- Tham mưu cho Kế toán trưởng trong việc đánh giá thành tích công tác của cán bộ nhân viên trong phòng.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Kế toán trưởng.

+ **Chuyên viên kế toán tổng hợp** có nhiệm vụ và trách nhiệm chính:

- Tham gia xây dựng kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch.
- Thực hiện công tác kế toán tổng hợp, lập tổng hợp và hợp nhất hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quản trị theo quy định. Công tác đối chiếu thanh quyết toán với tổng công ty, người giao đại lý và các đơn vị nội bộ.
- Giúp Kế toán trưởng trong việc phân tích báo cáo tài chính và thực hiện đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán.
- Báo cáo giá thành vận tải, tổng hợp báo cáo trong hoạt động kinh doanh xăng dầu toàn công ty.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Phó trưởng phòng và Kế toán trưởng.

+ **Chuyên viên kế toán tài sản và vật tư phụ tùng** có nhiệm vụ và trách nhiệm chính:

- Theo dõi, thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới kế toán TSCĐ, nguồn vốn và các quỹ. Giúp Kế toán trưởng và Phó trưởng phòng trong việc rà soát các dự toán, quyết toán về đầu tư và sửa chữa tài sản.
- Theo dõi thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới kế toán vật tư, phụ tùng, công cụ và nhiên liệu.
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến kế toán phải trả người bán, kế toán chênh lệch tỷ giá. Quản lý thu và quyết toán quỹ đoàn phí công đoàn.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Kế toán trưởng và Phó trưởng phòng.

+ **Chuyên viên kế toán thanh toán**

Chuyên viên 1 đảm nhiệm:

- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng đối với người cung cấp tại các ngân hàng. Cập nhật chứng từ, lập sổ chi tiết hàng ngày liên quan đến việc thanh toán qua ngân hàng.
- Theo dõi doanh thu cước vận tải, thuê tàu, các khoản phụ phí theo hợp đồng định hạn và doanh thu xuất khẩu. Theo dõi QT hao hụt vận chuyển công nợ khách hàng liên quan.
- Theo dõi công nợ phải thu, phải trả.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Kế toán trưởng và Phó trưởng phòng.

Chuyên viên 2 đảm nhiệm:

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới kế toán về thuế, phí và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Quản lý cấp phát, quyết toán hóa đơn GTGT.
- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán liên quan tới thanh toán tiền mặt.
- Theo dõi quản lý công nợ tạm ứng, khoán sử dụng điện thoại.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Phó trưởng phòng và Kế toán trưởng.

+ **Thủ quỹ chịu trách nhiệm:** trực tiếp thu chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng.

b. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng.

Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp khấu hao đường thẳng

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO.

2.2.1 Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu chủ yếu của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO là doanh thu bán các loại hàng hóa như xăng dầu, gas dân dụng, công nghiệp, dầu nhờn... và dịch vụ vận tải xăng dầu.

2.2.1.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

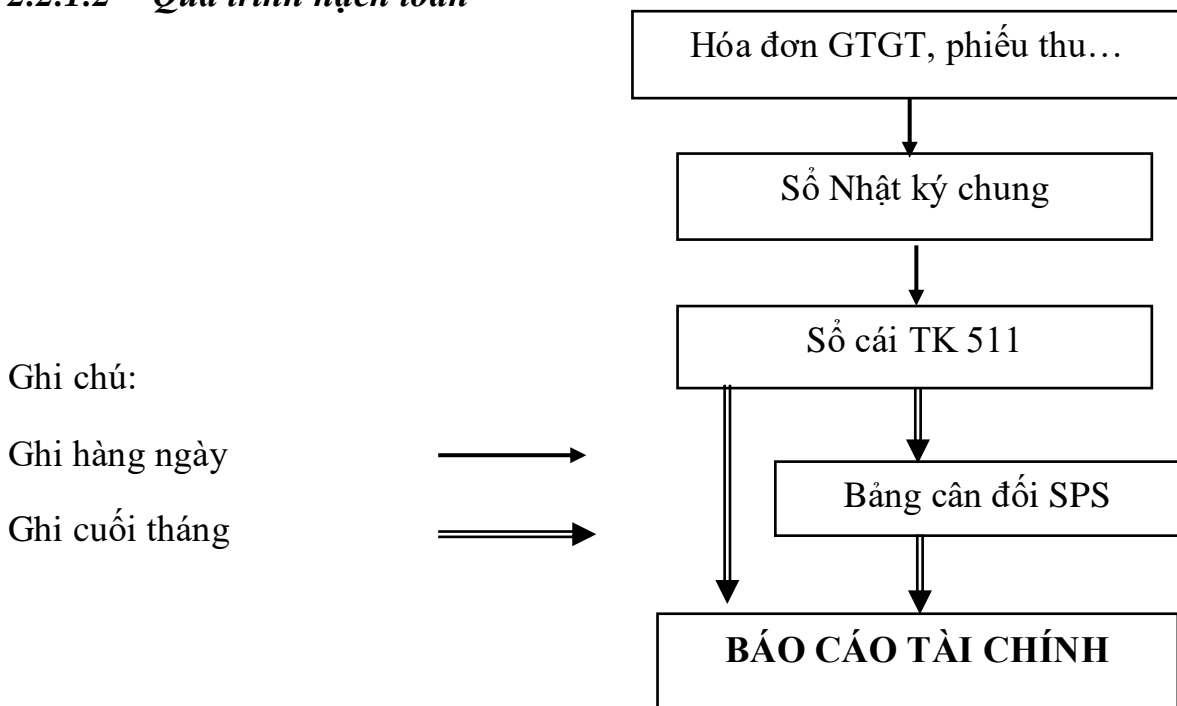
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.2.1.2 Quá trình hạch toán



**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP vận tải
xăng dầu VIPCO**

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan. Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản.
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 511, 131, 3331... lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: Ngày 6/12/2017 Công ty xuất 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp bán cho công ty Thăng Long với trị giá chưa thuế là 450.000.000 VNĐ, giá vốn là 395.000.000 VNĐ. Khách hàng chưa thanh toán.

- kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 495.000.000

 Có TK 511: 450.000.000

 Có TK 3331: 45.000.000

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000149 (Biểu số 2.1) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3), Sổ cái TK 131 và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.4), Sổ chi tiết TK 131.

Ví dụ 2.2: Ngày 16/12/2017 Công ty xuất 50.000 lít xăng RON 95 bán cho công ty Đức Thọ với trị giá chưa thuế là 975.000.000 VNĐ, giá vốn là 750.000.000 VNĐ. Khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000179 (Biểu số 2.1) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 1.072.500.000

 Có TK 511: 975.000.000

 Có TK 3331: 97.500.000

- Từ bút toán trên kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3), Sổ cái TK 131 và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.4), Sổ chi tiết TK 131.

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 16 tháng 12 năm 2017</p>	<p>Mẫu số 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/17P Số : 0000179</p>																												
<p>Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO Địa chỉ : 37 Phan Bội Châu, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng Số tài khoản: 03001686978 Sacombank Tam Bạc Điện thoại: Mã số thuế: 0200113153</p>																													
<p>Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Toàn Tên đơn vị: CÔNG TY ĐỨC THỌ Địa chỉ: Thửa số 281B lô 27, Khu đô thị mới Ngã 5, Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, HP Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 00235478945 Sacombank Lạc Viên Mã số thuế: 0200759683</p>																													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">STT</th> <th style="width: 35%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá</th> <th style="width: 10%;">Thành tiền</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">A</th> <th style="text-align: center;">B</th> <th style="text-align: center;">C</th> <th style="text-align: center;">1</th> <th style="text-align: center;">2</th> <th style="text-align: center;">3=1*2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Xăng RON 95</td> <td>Lít</td> <td style="text-align: right;">50.000</td> <td style="text-align: right;">19.500</td> <td style="text-align: right;">975.000.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng :</td> <td style="text-align: right;">975.000.000</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3=1*2	1	Xăng RON 95	Lít	50.000	19.500	975.000.000	Cộng tiền hàng :					975.000.000
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																								
A	B	C	1	2	3=1*2																								
1	Xăng RON 95	Lít	50.000	19.500	975.000.000																								
Cộng tiền hàng :					975.000.000																								
Thuế suất GTGT : 10%,		Tiền thuế GTGT:			97.500.000																								
Tổng cộng thanh toán :					1.072.500.000																								
Số tiền viết bằng chữ : Một tỷ không trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.																													
Người mua hàng	Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị																										
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)																										

Biểu số 2.3: Trích sổ nhật ký chung

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO			Mẫu số S03a – DN Ban hành theo <u>Thông tư số 200/2014/TT-BTC</u> Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2017						
Đơn vị : đồng						
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
....
6/12	PXK948 HĐ0000149	6/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	632 156 131 511 3331	395.000.000 495.000.000	 395.000.000 450.000.000 45.000.000
....
16/12	PXK960 HĐ0000179 PT511	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ chưa thanh toán	632 156 131 511 3331	878.550.000 1.072.500.000	 878.550.000 975.000.000 97.500.000
17/12	PXK971 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	9.000.000 10.450.000	 9.000.000 9.500.000 950.000

			Tổng cộng		5.921.846.412.685	5.921.846.412.685

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ (ký tên, họ tên)	Kế toán trưởng (ký tên, họ tên)	Giám đốc (ký tên, họ tên, đóng dấu)
------------------------------------	------------------------------------	--

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.4: Trích sổ cái TK 511

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
6/12	HĐ000 0149	6/12	Bán 20.000 lít dầu nhớt công nghiệp cho công ty TL	131		450.000.000
16/12	HĐ000 0179	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ	131		975.000.000
17/12	HĐ000 0836	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	111		9.500.000
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	458.882.222.718	
			Cộng số phát sinh		458.882.222.718	458.882.222.718
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2017

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: TK 131

Đối tượng: Công Ty Thăng Long

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn đượ c chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E		F	G	H	I
			Số dư đầu kỳ					362.000.00 0	
...		
6/12	HĐ0 0001 49	6/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	511 3331		450.000.000 45.000.000			
....		
12/1 2	BC0 0007 94	12/1 2	Thanh toán tiền hàng ngày 6/12	112			495.000.000		
.....		
			Cộng phát sinh			1.134.860.00 0	1.143.860.000		
			Số dư cuối kỳ					352.820.000	

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Kế toán ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người muaTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**Năm 2017
Số hiệu: TK 131

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Thăng Long	362.000.000	0	1.134.860.000	1.143.860.000	352.820.000	0
2	Cty Đức Thọ	250.000.000	0	984.706.231	998.831.718	235.874.513	0
3	Khách sạn Victory	0	0	68.970.000		68.970.000	0

	Cộng	36.396.400.825	0	685.697.710.993	670.662.189.125	51.431.922.693	0

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)**2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO****2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO**

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như xăng dầu, dầu nhờn... Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

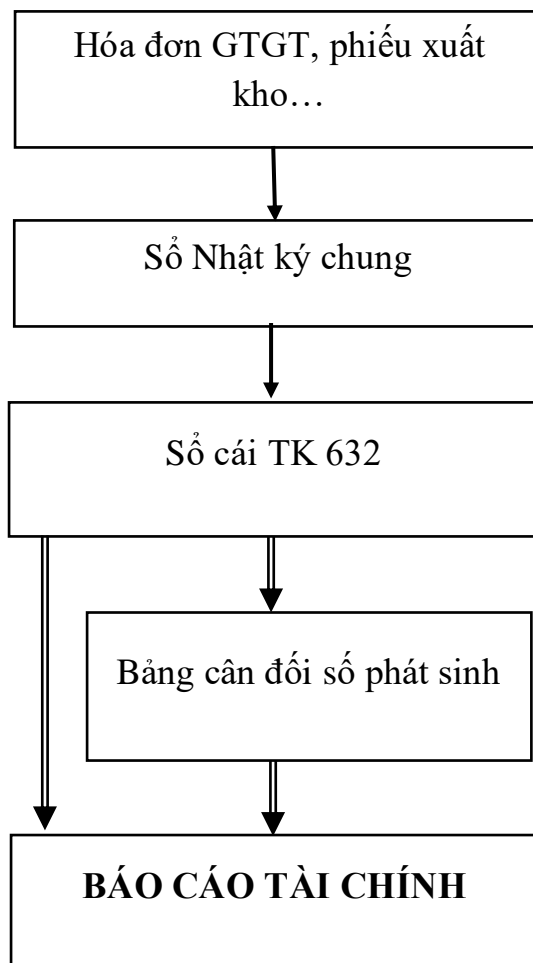
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 156, 632...
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156... lập bảng cân đối số phát sinh
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: (minh họa tiếp ví dụ 2.1)

Tính đơn giá xuất kho dầu nhờn công nghiệp theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 30.000 lít, đơn giá 19.500/lít
Trị giá tồn đầu kỳ = 30.000 x 19.500 = 585.000.000
- Ngày 5/12 nhập kho 10.000 lít, đơn giá 20.500/lít
Trị giá nhập kho ngày 5/12 = 10.000 x 20.500 = 205.000.000

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân liên hoàn} \\ \text{sau ngày 5/12} \end{array} = \frac{30.000 \times 19.500 + 10.000 \times 20.500}{30.000 + 10.000} = 19.750/\text{lít}$$

$$\text{Trị giá xuất kho ngày 6/12} = 20.000 \times 19.750 = 395.000.000$$

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.7) kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.9). sổ chi tiết hàng hóa (Biểu số 2.10) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.11).

Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.4: (minh họa tiếp ví dụ 2.2)

Tính đơn giá xuất kho xăng RON 95 theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 60.000 lít, đơn giá 17.500/lít
Trị giá tồn đầu kỳ = 60.000 x 17.500 = 1.050.000.000
- Ngày 15/12 nhập kho 10.000 lít, đơn giá 18.000/lít
Trị giá nhập kho ngày 15/12 = 10.000 x 18.000 = 180.000.000

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân liên hoàn} \\ \text{sau ngày 15/12} \end{aligned} = \frac{60.000 \times 17.500 + 10.000 \times 18.000}{60.000 + 10.000} = 17.571 \text{ /lít}$$

Trị giá xuất kho ngày 16/12 = 50.000 x 17.571 = 878.550.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.8) kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.9). sổ chi tiết hàng hóa (Biểu số 2.10) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.11).

Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 981

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 6 tháng 12 năm 2017
Số: 948

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Đoàn
Địa chỉ: PKD
Lý do xuất kho : Bán hàng
Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	SL thực nhập	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Dầu nhờn công nghiệp		Lít	20.000	19.750	395.000.000
	Cộng					395.000.000

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn.

Ngày 6 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 987

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 16 tháng 12 năm 2017
Số: 960

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Đoàn

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do xuất kho : Bán hàng

Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	SL thực xuất	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Xăng RON 95		Lít	50.000	17.571	878.550.000
	Cộng					878.550.000

Tổng số tiền bằng chữ: Tám trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Ngày 16 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ nhật ký chung

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
....
6/12	PXK948 HĐ0000149	6/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	632 156 131 511 3331	395.000.000 495.000.000	395.000.000 450.000.000 45.000.000
....
10/12	PC641	10/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	642 133 111	1.062.127 106.213	1.168.340
....
16/12	PXK960 HĐ0000179 PT511	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ thu tiền mặt	632 156 131 511 3331	878.550.000 1.072.500.000	878.550.000 975.000.000 97.500.000
17/12	PXK971 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	9.000.000 10.450.000	9.000.000 9.500.000 950.000

			Tổng cộng		5.921.846.412.685	5.921.846.412.685

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký tên, họ tên)

(ký tên, họ tên)

(ký tên, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 632

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
2/12	PXK810	2/12	Bán 5 bộ bình gas	156	4.500.000	
.....
6/12	PXK948	6/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	156	395.000.000	
.....
16/12	PXK960	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ	156	878.550.000	
.....
17/12	PXK971	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	156	9.000.000	
.....
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		351.098.116.156
			Cộng số phát sinh		351.098.116.156	351.098.116.156
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.1 Nội dung của chi phí tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản: Tiền lương trả cho Giám đốc, lương cho nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản trích theo lương, các khoản thuế, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng,...

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

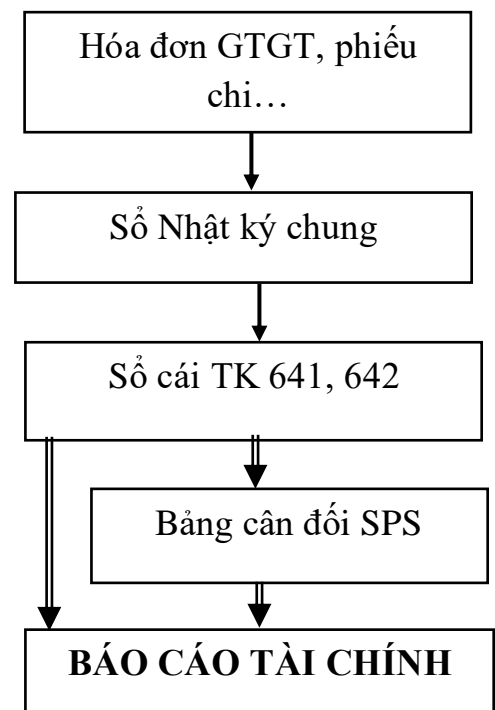
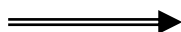
2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào sổ liệu trên Sổ nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 641, TK 642
- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.5: Ngày 8/11/2017 thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng tháng 10, tổng số tiền thanh toán 1.168.340 (thuế GTGT 10%)

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT 2977018 (Biểu số 2.11), phiếu chi (Biểu số 2.12) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản.

Nợ TK 641: 1.062.127

Nợ TK 133: 106.213

Có TK 111: 1.168.340

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.15) sau đó phản ánh vào sổ cái TK 641 (Biểu số 2.16), TK 111, TK 333

Cuối kỳ, từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.6: Ngày 23/11/2017 Công ty thanh toán chi phí tiếp khách bằng tiền mặt là 4.300.000

Căn cứ vào phiếu chi (Biểu số 2.13), hóa đơn GTGT (Biểu số 2.14) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ 642: 3.909.090

Nợ 133: 390.909

Có 111: 4.300.000

Từ bút toán trên kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.15) và sổ cái TK 642 (Biểu số 2.17), sổ cái TK 334 (Biểu số 2.14). Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.11: Hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
 Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01
 Ký hiệu (Serial No): AA/17P
 Số (No): 2977018
 16092612112012

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Địa chỉ (Address): 37 Phan Bội Châu, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): Mã số (code):

Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): TM/CK MST:

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6
	Kỳ cước tháng 10/2017				
	a. Cước dịch vụ viễn thông				1.062.127
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
	(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):				1.062.127
	Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):				106.213
	(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):				1.168.340

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017

Người nộp tiền ký
 (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
 (Signature of dealing staff)

Biểu số 2.12: Phiếu chi 663

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 11 năm 2017

Số: 663

Nợ TK 642: 1.062.127

Nợ TK 133: 106.213

Có TK 111: 1.168.340

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Tâm

Địa chỉ: Phòng KT-TC

Lý do chi: Nộp tiền điện thoại

Số tiền: 1.168.340 (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 11 năm 2017

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Phiếu Chi

Công ty CP Vận tải xăng dầu Vipco

Địa chỉ: Số 37 Phan Bội Châu, HB, HP

Mẫu số 02-TT

PHIẾU CHI

Số 702

Ngày 23/11/2017

Nợ: TK 6428

Nợ: TK 1331

Có: TK 1111

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Thị Thu Thủy

Địa chỉ: Văn phòng công đoàn

Lý do chi: Thanh toán tiếp khách

Số tiền: 4.300.000

(Viết bằng chữ): Bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 23 tháng 11 năm 2017

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn

Biểu số 2.14 : HD GTGT**Mẫu số: 01GTKT3/001****HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao người mua

Ngày 23 tháng 11 năm 2017

Ký hiệu: AA/17P

Số: 0001670

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÀ CHUNG

Mã số thuế:0200654987

Địa chỉ:Số 82 Nguyễn Đức Cảnh, P. An Biên, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng

Điện thoại: 031.3856889 Số tài khoản 2077040024688 -PG bank- CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng.....

Tên đơn vị :Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Mã số thuế:0200113152

Địa chỉ :Số 37 Phan Bội Châu, P. Quang Trung, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Số tài khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Dịch vụ ăn uống				3.909.090

Cộng tiền hàng:3.909.090

Thuế suất GTGT:10%, Tiền thuế GTGT: 390.910

Tổng cộng tiền thanh toán 4.300.000

Số tiền viết bằng chữ:Bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
....
8/11	PC641	8/11	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	641 133 111	1.602.127 106.213	1.168.340
....
23/11	UNC	23/11	Thanh toán tiền tiếp khách	642 133 112	3.909.090 390.909	4.300.000

			Tổng cộng		5.921.846.412.685	5.921.846.412.685

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK 641

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI
Năm 2017
Tên TK: Chi phí bán hàng
Số hiệu: TK 641

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
.....
7/11	PC662	7/11	Thanh toán tiền Internet T10	111	270.000	
8/11	PC663	8/11	Thanh toán tiền điện thoại BPBH T10	111	1.062.127	

30/12	PKT43	30/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		12.986.004.387
			Cộng số phát sinh		12.986.004.387	12.986.004.387
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Trích Sổ cái TK 642

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí Quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
.....
23/11	UNC	23/11	Thanh toán tiền tiếp khách	642 133 112	3.909.090 390.909	4.300.000

30/12	PKT43	30/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		26.253.392.843
			Cộng số phát sinh		26.253.392.843	26.253.392.843
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

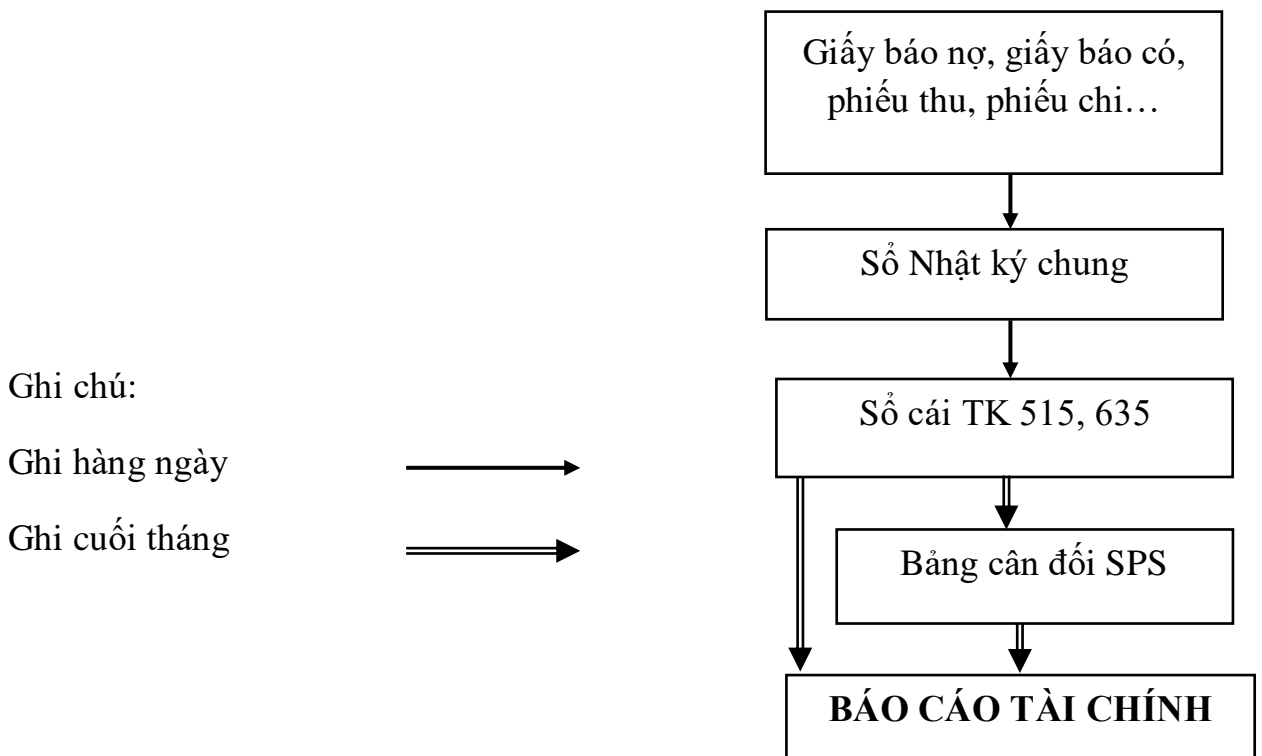
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng, phiếu chi, phiếu thu, bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635.
- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.7: Ngày 31/12/2017 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho ngân hàng TM CP xăng dầu Petrolimex số tiền 3.315.891 VNĐ

Căn cứ vào Giấy báo nợ số 694 (Biểu số 2.18) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635: 3.315.891

Có TK 112: 3.315.891

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.20) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.21). Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.8: Ngày 31/12 Ngân hàng CP Á Châu ACB – PGD TD Plaza thông báo lãi tiền gửi ngân hàng là 4.796.100 VNĐ

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.19) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.


Nợ TK 112: 4.796.100

Có TK 515: 4.796.100

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.20) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.22) và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng CP Á Châu ACB.

Cuối kỳ, từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.18: Giấy báo nợ

GIẤY BÁO NỢ Số: 694		 PG BANK NGÂN HÀNG XĂNG DẦU PETROLIMEX	
Số TK: 2087040013168			
Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO			
Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi nợ với nội dung sau:			
Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
31/12/2017	3.315.891	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ
			NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng – NHTMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX
			Số TK: 2087040013168
			Người thụ hưởng: NHTMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX
			Nội dung giao dịch: Trả lãi tiền vay

Biểu số 2.19: Giấy báo Có

NGÂN HÀNG Á CHÂU

Chi nhánh: ACB-PGD TD PLAZA

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2017

Mã GDV: Nguyễn Thu Trang

Mã KH: 749942

Số GD:

Kính gửi: CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Mã số thuế: 0200113152

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 771A56027194

Số tiền bằng số: 4.796.100

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi NH

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Trích Sổ Nhật ký chung

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị : đồng

Chứng từ				Số phát sinh		
SH	NT	Diễn giải	TKĐ Ư	Nợ	Có	
A	B	C	D	E	F	I
....
6/12	PXK948 HĐ000014 9	6/12	Bán 20.000 lít dầu nhớt công nghiệp cho công ty TL	632 156 131 511 3331	395.000.000 495.000.000	395.000.000 450.000.000 45.000.000
....
16/1 2	PXK960 HĐ000017 9 PT511	16/1 2	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ chưa thanh toán	632 156 131 511 3331	878.550.000 1.072.500.000	878.550.000 975.000.000 97.500.000
17/1 2	PXK971 HĐ000083 6 PT561	17/1 2	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	9.000.000 10.450.000	9.000.000 9.500.000 950.000
31/1 2	GBN694	31/1 2	Chi trả lãi vay tháng 12 cho NH TMCP xăng dầu Petrolimes	635 112	3.315.891	3.315.891
31/1 2	GBC 31/12	31/1 2	Lãi tiền gửi NH	112 515	4.796.100	4.796.100

			Tổng cộng		5.921.846.412.68 5	5.921.846.412.68 5

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.21: Trích Sổ cái TK 635

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí tài chính

Số hiệu: TK 635

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
.....
23/11	PC467	23/11	Trả tiền lãi vay mua tàu P10 (21,893.34 \$)	112	488.615.562	
23/11	ĐT471	23/11	Trích dự phòng đư góp vốn Cty Vietfrach	229	1.230.000.000	
.....
31/12	GBN694	31/12	Chi trả lãi vay t12 cho NH TMCP XD ptrolimex	112	3.315.891	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		7.987.451.332
			Cộng số phát sinh		7.987.451.332	7.987.451.332
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.22: Trích Sổ cái TK 515

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
....
20/12	GBC20/12	20/12	VTO trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 5%	112		42.666.500
....
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng quý 4	112		4.796.100
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.317.264.798	
			Cộng số phát sinh		2.317.264.798	2.317.264.798
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác : Công ty ko có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ nghiên cứu.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- Các TK khác có liên quan.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.6: Xác định kết quả kinh doanh năm 2017

Trong năm doanh nghiệp kinh doanh lãi: 52.395.435.665

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh năm 2017 lãi. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 042, 043, 044, 045, 046, (Biểu số 2.23, 2.24, 2.25, 2.26, 2.27).

Từ phiếu kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.28), sau đó từ Sổ nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.29), Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.30).

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.31) và Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.23: Phiếu kế toánTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 042

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	458.882.222.718
	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.317.264.798
	Cộng			461.199.487.516

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)Ngày....tháng.... năm
Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)**Biểu số 2.24: Phiếu kế toán**TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 043

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển giá vốn	911	632	351.098.116.156
	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	7.987.451.332
	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	12.986.004.387
	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	26.253.392.843
	Cộng			398.324.964.718

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)Ngày....tháng.... năm
Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 046

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển lãi	911	421	52.395.435.665
	Cộng			52.395.435.665

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)

Ngày....tháng.... năm
Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.28: Trích sổ nhật ký chungTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511	458.882.222.718	
			911		458.882.222.718
PKT42	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515	2.317.264.798	
			911		2.317.264.798
PKT43	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	351.098.116.156	
			632		351.098.116.156
PKT43	31/12	Kết chuyển CPTC	911	7.987.451.332	
			635		7.987.451.332
PKT43	31/12	Kết chuyển CPBH	911	12.986.004.387	
			641		12.986.004.387
PKT43	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	26.253.392.843	
			642		26.253.392.843
PKT44	31/12	CP thuế TNDN	821	10.479.087.133	
			3334		10.479.087.133
PKT45	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	10.479.087.133	
			821		10.479.087.133
PKT46	31/12	Kết chuyển lãi	911	52.395.435.665	
			421		52.395.435.665
.....
		Tổng cộng		5.921.846.412.685	5.921.846.412.685

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.29: Trích sổ cái TK 911

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
	PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511		458.882.222.718
	PKT42	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		2.317.264.798
	PKT43	31/12	Kết chuyển GVHB	632	351.098.116.156	
	PKT43	31/12	Kết chuyển CPTC	635	7.987.451.332	
	PKT43	31/12	Kết chuyển CPBH	641	12.986.004.387	
	PKT43	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	26.253.392.843	
	PKT45	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	10.479.087.133	
	PKT46	31/12	Kết chuyển lãi	421	52.395.435.665	
			Cộng số phát sinh		461.199.487.516	461.199.487.516

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 421

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: TK 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			6.132.200.547
			Số phát sinh trong kỳ			
		
31/12	PKT46	31/12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911		52.395.435.665
			Cộng số phát sinh		12.598.566.407	52.395.435.665
			Số dư cuối kỳ			45.929.069.805

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

3.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn đó 2010-2020 là giai đoạn củng cố hội nhập, giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

3.2 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Là một doanh nghiệp mới thành lập không lâu nhưng được đầu tư cơ sở kỹ thuật công ty có những biến chuyển tích cực trong hoạt động kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản hoặc giải thể. Do nhận thức kịp thời sự chuyển biến của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu thị trường, công ty đã có những phương hướng, giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục được những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được sự phát triển của nền kinh tế.

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyên mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm than thiết và càng thêm gắn bó với công ty.

Trong xu thế phát triển của mình, Công ty luôn tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, vì thế Công ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành và đưa ra mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất đem lại lợi ích cho người tiêu dùng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.2.1 Ưu điểm

Là một doanh nghiệp luôn đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của công ty.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên. Trong phòng kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công việc cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

➤ **Về hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

➤ **Về chứng từ kế toán sử dụng**

Công ty sử dụng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp lớn (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu. Được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian

Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ Doanh nghiệp (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

➤ **Về phương thức thanh toán**

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán tiền mặt được sử dụng nhiều hơn cả.

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu được công ty sử dụng với phương thức bán lẻ tại cửa hàng, bán buôn với một số khách hàng.

Còn phương thức thanh toán chuyển khoản được công ty sử dụng chủ yếu trong phương thức bán buôn với lượng hàng lớn. Vì phương thức bán buôn thường là những đơn hàng trị giá lớn nên thanh toán chuyển khoản giúp công ty kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát,...

3.2.2 Hạn chế

❖ Về sổ sách sử dụng:

Việc tập hợp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng Công ty vẫn còn rất hạn chế trong việc mở Sổ chi tiết cho các tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty. Cụ thể là đối với sổ chi tiết:

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về lãi gộp.

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì công ty có rất nhiều mặt hàng khác nhau. Khi công ty không mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc kinh doanh.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh do đó không có thông tin về các yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí này.

❖ Về chính sách bán hàng:

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

❖ Về thời điểm ghi chép sổ sách kế toán:

Hiện nay, đa số các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh được ghi vào cuối kỳ, cùng vào thời điểm lập Báo cáo tài chính nên công việc kế toán tại phòng kế toán bị dồn vào cuối năm rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

3.3 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích và mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận nhất và tiết kiệm chi phí đến mức có thể. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải tổ chức khâu quản lý chặt chẽ và hiệu quả.

Mặt khác, kế toán tài chính giống như “quả tim” của doanh nghiệp, nó cho biết được “tình trạng sức khỏe” của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém thì tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cũng không hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là hết sức cần thiết.

Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.3.2 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Dựa trên những hạn chế đã nêu ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

❖ Ý kiến 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty

Tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO kế toán chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu của tất cả các mặt hàng mà không mở riêng cho từng loại. Khi hạch toán doanh thu bán hàng kế toán cần hạch toán chi tiết doanh thu bán của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, lãi gộp của từng mặt hàng. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa

ra được chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

Khi hạch toán Giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng hóa bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng hàng hóa bán ra thì Công ty mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đối với chi phí Quản lý kinh doanh, doanh nghiệp chưa chi tiết theo yếu tố chi phí. Hạch toán chi tiết ra Công ty mới kiểm soát được chitiêu để từ đó đưa ra được những biện pháp thích hợp nhằm mục đích cắt giảm chi phí nâng cao lợi nhuận. Vì vậy Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX									
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO									
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tên sản phẩm: Dầu nhờn công nghiệp									
Năm: 2017									
NTGS			Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3=1*2	4	5
		
30/12	HĐ 0000312	30/12	Bán dầu nhờn công nghiệp	112	20.000	22.500	450.000.000		
		
			Cộng số phát sinh		127.560		2.860.195.000		
<p>- Ngày mở sổ</p> <p style="text-align: center;">Người ghi sổ (ký, họ tên)</p> <p style="text-align: right;">Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán trưởng (ký, họ tên)</p>									

Biểu số 3.2: Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

BẢNG TỔNG HỢP BÁN HÀNG
Năm: 2017

STT	Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)	Số tiền		
		Doanh thu bán hàng	Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
A	B	1	2	3
	Dầu nhờn công nghiệp	2.860.195.000		2.860.195.000
	Xăng RON 95	1.968.901.335		1.968.901.335

	Cộng	458.882.222.718		458.882.222.718

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN
Tên sản phẩm: Dầu nhờn công nghiệp
Năm: 2017

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
	SH	NT				SL	Thành tiền
A	B	C	D	E		5	6

30/12	HD 0000149	30/12	Bán dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	156	19.750	20.000	395.000.000

			Cộng SPS			127.562	2.452.906.679

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.4: Sổ tổng hợp giá vốn hàng bán

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO		
SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Năm: 2017		
STT	Tên sản phẩm	Số tiền
1	Dầu nhờn công nghiệp	2.452.906.679
2	Xăng RON 95	1.406.803.594
.....
	Cộng SPS	361.577.203.289
<p>- Ngày mở sổ</p> <p style="text-align: center;">Người ghi sổ (ký, họ tên)</p>		
<p>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán trưởng (ký, họ tên)</p>		

❖ **Ý kiến 2:** về chính sách bán hàng

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như: Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp. Cụ thể:

- Với những khách hàng quen thuộc, thường xuyên nên áp dụng chính sách **chiết khấu thương mại**. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 1% đến 1,5% trên trị giá lô hàng.

Với chính sách chiết khấu nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng.

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ (5211-Chiết khấu thương mại)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, ...

- Với những khách hàng thanh toán tiền ngay, thanh toán sớm hơn thời hạn thỏa thuận ban đầu nên áp dụng chính sách **chiết khấu thanh toán**. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu trên trị giá lô hàng. Mục đích là để kích thích khách hàng trả nợ sớm. Tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn trong thời gian dài. Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thanh toán cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn bán hàng, hợp đồng mua bán và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:
 - Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: (Nếu trừ luôn vào khoản phải thu)

Có TK 111, 112: (Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112

Như vậy thì để phát triển, hợp tác kinh doanh thuận lợi hơn, thúc đẩy việc thanh toán nhanh, đẩy mạnh việc hợp tác và bán hàng của các đại lý, các doanh nghiệp sẽ có chính sách “chiết khấu thương mại” và “chiết khấu thanh toán” phù hợp. Tuy nhiên để các khoản phí này được trừ khi tính thuế thì khoản CKTM và CKTT phải được quy định trong quy chế của Công ty và được thể hiện trong hợp đồng của bên bán hàng và bên mua hàng.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do em chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý chân thành của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Th.s Phạm Văn Tường để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thu Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp* theo Thông tư 200 (2014), Bộ Tài chính.
2. Bộ Tài chính, *333 sơ đồ kế toán doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính (2012).
3. Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam* ban hành theo quyết định số 100 (2015), Bộ Tài chính.
4. Trần Xuân Nam, *Kế toán tài chính*, Nhà Xuất bản Thống kê (2012).
5. Sổ sách, tài liệu của công ty.